

**PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ
TRANG NGHIÊM, THANH TỊNH, BÌNH ĐẲNG, GIÁC KINH**

Phúc giảng lần thứ ba: Cô Lưu Tố Vân

Thời gian: 20/05/2024

Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa

Viết dịch: Ban biên dịch Pháp Âm Tuyên Lưu

Tập 82

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người. A-di-đà Phật! Hôm nay, chúng ta học tập kinh văn phẩm thứ bốn mươi một.

PHẨM BỐN MƯỜI MỘT: HOẶC TẬN KIẾN PHẬT

Trong kinh văn của phẩm này, Thế Tôn tiếp tục khuyên bảo đại chúng phải đoạn nghi trừ hoặc. Phải biết rằng, một niệm tâm thanh tịnh với tâm của chư Phật mười phương, về bản tánh vốn không có mảy may ngăn cách. Giống như hư không trong hạt cải với hư không của mười phương, bản tánh vốn không hề khác biệt. Cho nên, dùng trí tuệ vô tướng để vun trồng gốc các đức, ắt sẽ vắng sanh cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Thí như Chuyển luân thánh vương, có ngục bảy báu, vương tử đắc tội bị giam trong ấy. Lầu gác cung điện, màn báu giương vàng, bao lơn cửa sổ ghé ngò, được trang hoàng bằng các báu quý lạ. Ăn uống y phục đều như Chuyển luân vương, nhưng bị xích vàng xiềng lấy hai chân. Các tiểu vương tử ấy có thích chuyện này chăng? Ngài Từ Thị bạch rằng: bạch đức Thế Tôn! Không ạ! Khi họ bị giam cầm, tâm không tự tại, chỉ toan dùng mọi phương tiện, để mong thoát khỏi, cầu cứu các cận thần, rốt cuộc không toại ý. Luân vương hoan hỷ, mới được giải thoát.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Thí như Chuyển luân thánh vương, có ngục bảy báu, vương tử đắc tội bị giam trong ấy. Lầu gác cung điện, màn báu giương vàng, bao lơn cửa sổ ghé ngò, được trang hoàng bằng các báu quý lạ. Ăn uống y phục đều như Chuyển luân vương, nhưng bị xích vàng xiềng lấy hai chân. Các tiểu vương tử ấy có thích chuyện này chăng?”

Phẩm này là “Hết hoặc mới thấy Phật”, chỉ khi đoạn hết nghi hoặc mới có thể thấy Phật. Phật hỏi Bồ-tát Di-lặc: ví như Chuyển luân thánh vương dùng bảy báu làm thành ngục giam, con trai của Luân vương phạm tội, bị giam cầm trong ngục bảy báu ấy. Trong ngục có cung điện lầu gác, màn báu giường vàng, bao lon, cửa sổ, ghế ngồi êm ái, đều từ các món báu vật quý lạ trang trí mà thành. Đòi sống vật chất như y phục, ăn uống v.v. đều giống hệt như Chuyển luân thánh vương. Thế nhưng, hai chân của vương tử bị cùm lại bằng xích vàng, liệu tiểu vương tử có thấy vui sướng không?

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Ngài Từ Thị bạch rằng: bạch đức Thế Tôn! Không ạ! Khi họ bị giam cầm, tâm không tự tại, chỉ toan dùng mọi phương tiện, để mong thoát khỏi, cầu cứu các cận thân, rốt cuộc không toại ý. Luân vương hoan hỷ, mới được giải thoát.”

Bồ-tát Di-lặc nói: tiểu vương tử đương nhiên là chẳng thấy vui sướng. Bởi vì trong lúc bị giam cầm, thân người đã mất tự do, trong lòng đương nhiên không thể tự tại. Tuy dùng đủ mọi phương tiện, cầu cứu các đại thân bên cạnh giúp, nhưng cuối cùng vẫn không đạt được mục đích. Phải đợi đến khi Luân vương hoan hỷ, vương tử mới có thể được giải thoát.

“Cầu cứu các cận thân”, cận thân ví cho các pháp. Nếu hướng ra ngoài tâm để cầu pháp thì chẳng thể giải thoát.

“Luân vương hoan hỷ”, Luân vương ví cho tâm vương. Khi tâm thanh tịnh, tự nhiên sẽ giải thoát.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Phật bảo ngài Di-lặc: các chúng sanh này cũng giống như vậy. Nếu có kẻ đọa vào nghi hối, mong cầu Phật trí, cho đến quảng đại trí, song không thể sanh lòng tin đối với thiện căn của chính mình; do nghe danh hiệu Phật mà phát khởi lòng tin, nên tuy sanh về cõi ấy, nhưng ở trong hoa sen, không được ra khỏi. Kẻ ấy ở trong hoa thai mà tưởng như đang ở trong vườn hoa, cung điện. Vì sao vậy? Trong đó thanh tịnh, không có các ố ác, nhưng trong 500 năm, không thấy Tam bảo, không được cúng dường phụng sự chư Phật, xa lìa tất cả thiện căn thù thắng, nên xem đó là khổ, chẳng sanh lòng vui thích. Nếu những chúng sanh ấy biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó. Khi những lỗi lầm trong đời trước đã sạch rồi, sau đó mới được thoát khỏi.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Phật bảo ngài Di-lặc: các chúng sanh này cũng giống như vậy. Nếu có kẻ đọa vào nghi hối, mong cầu Phật trí, cho đến quảng đại trí, song không thể sanh lòng tin đối với thiện căn của chính mình; do nghe danh hiệu Phật mà phát khởi lòng tin, nên tuy sanh về cõi ấy, nhưng ở trong hoa sen, không được ra khỏi. Kẻ ấy ở trong hoa thai mà tưởng như đang ở trong vườn hoa, cung điện.”

“Nếu có kẻ đọa vào nghi hối”, Phật bảo ngài Di-lặc rằng, chúng sanh vãng sanh nơi biên địa nghi thành cũng giống như tiểu vương tử kia vậy. Nếu ở trong sự nghi hoặc hối hận mà cầu lấy trí tuệ của Phật, cho đến trí tuệ uy đức rộng lớn không thể nghĩ bàn, hơn nữa đối với tự tâm cũng không thể sanh lòng tin; nhưng do nghe được danh hiệu Phật mà sanh khởi tín tâm, tuy niệm Phật vãng sanh đến Cực Lạc, nhưng lại bị kẹt trong hoa sen không thể thoát ra, đây chính là do nghi hoặc gây nên.

“Kẻ ấy ở trong hoa thai”, hoa sen nơi họ ở không phải là búp hoa, thực tế đó là một cung điện lớn.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Vì sao vậy? Trong đó thanh tịnh, không có các uế ác, nhưng trong 500 năm, không thấy Tam bảo, không được cúng dường phụng sự chư Phật, xa lìa tất cả thiện căn thù thắng, nên xem đó là khổ, chẳng sanh lòng vui thích. Nếu những chúng sanh ấy biết được gốc tội của mình, hết lòng sám hối tự trách, cầu được ra khỏi nơi đó. Khi những lỗi lầm trong đời trước đã sạch rồi, sau đó mới được thoát khỏi.”

Vì sao vậy? Nơi cư ngụ vô cùng thanh tịnh an lạc, không có ô nhiễm và việc ác. Nhưng trong 500 năm không gặp được Tam bảo, không thể phụng sự chư Phật; xa lìa hết thấy thiện căn thù thắng, không hưởng thụ được pháp lạc Đại thừa. Chỉ xem việc này là khổ, chứ hoàn toàn chẳng phải là thọ khổ. Nếu có thể tự mình hết lòng sám hối, đoạn hết nghi hoặc thì mới có thể rời khỏi biên địa.

“Biết được gốc tội của mình”, có hai cách nói:

1. Trong Luận của đại sư Đàm Loan nói: sau 500 năm, hết lòng sám hối tự trách mới có thể thoát ra.

2. Trong Gia Tường Sớ nói: không nhất thiết đến 500 năm, chỉ cần hết lòng sám hối tự trách liền có thể thoát ra.

Hai cách nói trên có thể tồn tại song song. “Sau 500 năm” là chỉ cho đại đa số mọi người. “Không nhất thiết đến 500 năm” là chỉ cho những người thượng căn trong biên địa.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Liên được đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ, thính văn kinh pháp, lâu sau cũng sẽ khai giải hoan hỷ, cũng được cúng dường khắp vô số vô lượng chư Phật, tu các công đức. Nay A-dật-đa! Phải biết rằng, đối với các Bồ-tát, nghi hoặc là tổn hại lớn, mất lợi ích lớn. Thế nên, phải tin tưởng rõ ràng trí tuệ vô thượng của chư Phật.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích. Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Liên được đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ, thính văn kinh pháp, lâu sau cũng sẽ khai giải hoan hỷ, cũng được cúng dường khắp vô số vô lượng chư Phật, tu các công đức.”

“Liên được đến chỗ Phật Vô Lượng Thọ”, “liên được” là không cần trải qua thời gian. Vừa ra khỏi biên địa là có thể lập tức tham gia hải hội liên trì, thấy Phật nghe pháp.

“Thính văn kinh pháp”, người thông thường sẽ làm tưởng rằng “văn” chính là nghe. Thực ra, “thính” mang nghĩa cạn hơn một chút, hễ lọt vào tai, bất kể có hiểu nghĩa hay không, hễ nghe thấy thì đều tính là “thính”. Nhưng “văn” lại có hàm nghĩa tương đối sâu một chút: có thể hiểu rõ nghĩa kinh, lại còn tin nhận và phụng hành, hoàn toàn gánh vác, cũng chính là tức thời thành Phật. Do vậy, hàm nghĩa của chữ “văn” rất sâu.

“Lâu sau cũng sẽ khai giải hoan hỷ”, chúng sanh bước ra từ biên địa tuy có thể thấy Phật nghe pháp, nhưng câu niệm trong tâm vẫn chưa trừ, vẫn còn tình kiến. Do đó, cần phải huân tập lâu dài mới có thể thấu đạt nghĩa chân thật của Phật pháp, từ đó sanh khởi tâm thanh tịnh hoan hỷ.

“Cũng được cúng dường khắp vô số vô lượng chư Phật, tu các công đức”, nhờ uy lực của đức Di-đà gia trì, bước đầu họ đã có thể hiển hiện thần thông, có thể đi đến mười phương cõi Phật để cúng Phật nghe pháp, tu trì đủ loại diệu pháp, viên mãn đủ mọi công đức.

Có người sẽ hỏi: vì sao ở thế giới Cực Lạc mà vẫn cần thời gian dài mới có thể khai giải?

Đây là căn cứ vào căn khí của chúng sanh mà nói. Những chúng sanh này trước khi vãng sanh hiểu biết về kinh Phật tương đối ít, không hiểu rõ trí tuệ của Phật, nay tuy thấy Phật nghe pháp nhưng vẫn còn tình kiến. Nếu tình kiến chẳng không, thì không cách nào thành đạo.

Làm thế nào để vượt khỏi tình kiến? Phải nghe pháp nhiều lần, tư duy cho nhiều, huân tập nhiều phen. Hiện nay có một số người rất nóng vội, hỏi: “Vì sao tôi vẫn chưa hiểu?” Cách nghĩ này không phù hợp với quy luật. Lời kinh Phật rất sâu, đâu phải ba câu hai lời hay làm thời khóa vài ngày là có thể hiểu được. Tiêu trừ tình kiến của chúng sanh cần phải trải qua một quá trình. Lại có người dùng ý chí chủ quan để suy lường Đệ nhất nghĩa đế, nếu tự cho là mình đã hiểu rồi thì càng nguy hiểm hơn. Đặc biệt là Thiên tông, không hiểu thì còn có thể khai ngộ, hiểu rồi thì không cách nào khai ngộ. Thế nên, “lâu sau” là nói về hạng chúng sanh này. Nếu là bậc thượng căn, khi chưa vãng sanh đã là Bồ-tát rồi.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Này A-dật-đa! Phải biết rằng, đối với các Bồ-tát, nghi hoặc là tổn hại lớn, mất lợi ích lớn. Thế nên, phải tin tưởng rõ ràng trí tuệ vô thượng của chư Phật.”

“Này A-dật-đa”, Phật gọi tên của Bồ-tát Di-lặc là để cảnh tỉnh đại chúng, vì sau đây sẽ có khai thị quan trọng.

“Phải biết rằng, đối với các Bồ-tát, nghi hoặc là tổn hại lớn”, trong Vô Lượng Thọ Kinh Sao nói: vì sao Bồ-tát vẫn còn nghi hoặc?

1. Đây là chỉ cho các Bồ-tát sơ phát tâm và Bồ-tát hàng Tín vị. Trong Luận Chú nói: người học Tịnh tông nếu có thể phát tâm nhiếp thọ chúng sanh về cõi nước Phật, thì chính là Bồ-tát sơ phát tâm. Theo Biệt giáo mà nói, Bồ-tát hàng Tín vị giống như tờ liễu giữa không trung, bay lơ lửng bất định, chỉ hiểu được căn bản trí, đối với sai biệt trí vẫn còn nghi hoặc. Thế nên, Bồ-tát sơ phát tâm và Bồ-tát hàng Tín vị còn nghi hoặc cũng là chuyện rất tự nhiên.

2. Dẫu cho thật sự là Bồ-tát, nếu sanh nghi hoặc thì cũng mất lợi ích lớn. Hai cách nói này không hề mâu thuẫn.

“Mất lợi ích lớn”, “lợi ích lớn” chính là “lợi ích chân thật” trong kinh này. Lợi ích chân thật khó gặp khó thấy, như hoa ưu-đàm hiếm khi xuất hiện. Ngày

nay khó gặp mà được gặp, khó nghe mà được nghe, song vì nghi hoặc mà không tin nhận, liền mất đi lợi ích lớn. Huống hồ pháp môn Tịnh độ đơn giản dễ hành, chỉ cần tín nguyện trì danh liền có thể lên thẳng “tam bất thoái”. Đây là lợi ích chân thật nhất trong các lợi ích chân thật, cũng là lợi ích lớn nhất trong các lợi ích lớn. Nếu đối với pháp này nếu không thể sanh lòng tin, liền vĩnh viễn mất đi lợi ích lớn. Như kinh Thiên Thủ nói: “Nếu đối với đà-ra-ni này sanh lòng nghi không tin, nên biết người đó vĩnh viễn mất lợi ích lớn. Trong trăm ngàn vạn kiếp luân chuyển trong đường ác, không có ngày ra, thường không thấy Phật, không được nghe pháp, không gặp chư tăng.”

Ngược lại, nếu có thể tin nhận pháp này, thì như kinh Thập Vãng Sanh nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân chánh tín kinh này, yêu thích kinh này, khuyên bảo chúng sanh, thì kẻ nói người nghe thảy đều được vãng sanh về nước Phật A-di-đà. Nếu có những hạng người như thế, Ta từ nay thường sai 25 vị Bồ-tát hộ trì người đó, thường khiến người đó không bệnh không phiền não, dù người hay phi nhân cũng không thể làm hại; đi đứng nằm ngồi, bất kể ngày đêm, thường được an ổn.” Nếu đạt được lợi ích thù thắng như vậy thì dễ cho việc tu trì rồi. Mọi người không biết rằng, niệm Phật trong lúc bệnh tật đau đớn là việc cực kỳ khó khăn. Có người còn trông chờ đến lúc lâm chung mới niệm, nếu ngày thường không nỗ lực dụng công thì lâm chung sao có thể niệm nổi?

Tiếp theo nói về họa hại của việc nghi ngờ và phỉ báng kinh điển.

Trong kinh Thập Vãng Sanh nói: “Về sau, tại cõi Diêm-phù-đề, nếu có tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni thấy người đọc tụng kinh này liền khởi tức giận, ôm lòng phỉ báng; do phỉ báng chánh pháp nên người đó ngay nơi thân hiện tại sẽ chuốc lấy các bệnh nặng ác tính. Thân căn chẳng đầy đủ, điếc mù câm ngọng, sung phù, mê mờ mù mẫm, ngồi nằm chẳng yên, cầu sống không được, cầu chết không xong. Hoặc dẫn đến cái chết, đọa vào địa ngục. Trong tám vạn kiếp chịu khổ não lớn, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe đến tên của nước và thức ăn. Lâu sau mới được thoát ra, làm thân trâu ngựa heo dê, bị người giết mổ, chịu khổ cùng cực. Sau mới được làm người, thường sanh nơi hạ tiện, trăm ngàn vạn đời không được tự tại. Vĩnh viễn không nghe đến tên của Tam bảo. Do vậy, đối với những người không có trí tuệ, không có lòng tin, thì chớ nên nói kinh này.”

Từ đây có thể thấy, nghi và tin tuy chỉ trong một niệm của mỗi người, nhưng họa phúc gieo xuống lại cách biệt trời vực, trải kiếp không cùng. Cho nên nói: “Do vậy, phải tin tưởng rõ ràng trí tuệ vô thượng của chư Phật.”

Vì sao tội phỉ báng pháp lại nghiêm trọng đến thế?

Bởi vì chúng sanh ở trong luân hồi rất khổ, chỉ có thể nương vào Phật pháp mới có thể thoát ly, vậy mà lại bị kẻ phỉ báng pháp hủy hoại mất [đường ra]. Thế nên tội phỉ báng pháp cực kỳ nghiêm trọng, tội này còn nặng hơn cả giết cha, giết mẹ, giết A-la-hán. Vì vậy mọi người phải giữ lòng cẩn trọng, quyết không được phỉ báng chánh pháp. Đối với điều mình không hiểu thì có thể tạm giữ lấy nghi ngờ, nhưng tuyệt đối không được tùy tiện đưa ra kết luận, tùy tiện phê bình. Đối với hạng người không có trí tuệ, không có lòng tin, ngàn vạn lần không được diễn nói kinh này. Bởi vì sau khi nghe xong, họ sẽ sanh lòng nghi ngờ, sân giận, phỉ báng mà chuốc lấy tội cực nặng. Tình kiến của chúng sanh cực kỳ kiên cố, hễ mình tín ngưỡng một pháp môn nào đó thì liền sinh ra tư tưởng bè phái.

Hoàng Niệm lão kể một ví dụ: có một vị tỳ-kheo-ni tỏ ra vô cùng phần nộ với người tụng phẩm Phổ Môn, đây chính là phỉ báng chánh pháp. Cho nên đối với lời nói và hành vi của mình, phải hết sức cẩn thận.

Hơn nữa, ngàn vạn lần không được dùng ý riêng của mình để giải thích kinh Phật, mà phải tham khảo các kinh điển khác để giải thích. Thuyết pháp phải quan sát căn khí của đối phương, lại phải nắm bắt cơ duyên, đừng giống như một số người huênh hoang khoáng lác. Hoàng Niệm lão có một pháp bản về tu Mật, ngài không cho người khác xem. Nếu để người khác vô ý nhìn trộm được, chẳng những người xem có tội mà chính bạn cũng có tội. Nếu chưa thể tin rõ Phật trí, trước hết cần phải ngưỡng tin, phải tin rằng lời chư Phật nói nhất định không sai lầm. Bản thân cũng phải nỗ lực tham cứu, hy vọng ngày một hiểu rõ hơn. Phật pháp là kho tàng vô tận, do vậy không được cố định trình độ hiện có của mình, như thế cũng sẽ trở thành một loại chướng ngại. Giống như lên cầu thang, vừa lên được một tầng đã tự trói mình lại, vậy sẽ không cách nào tiến lên được nữa. Tóm lại mà nói, bất cứ lúc nào cũng không được có ý nghĩ dừng lại.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Ngài Từ Thị bạch rằng: vì sao có một hạng chúng sanh ở thế giới này, tuy cũng tu thiện nhưng không cầu vãng sanh? Phật bảo ngài Từ Thị: những chúng sanh này trí tuệ cạn cợt, phân biệt Tây Phương không bằng cõi trời, vì thế cho là không vui, chẳng cầu sanh về cõi ấy. Ngài Từ Thị bạch rằng: những chúng sanh này phân biệt hư vọng, không cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?

“Tuy cũng tu thiện nhưng không cầu vãng sanh”, Bồ-tát Di-lặc hỏi Phật: thế gian này có một hạng chúng sanh, tuy cũng chịu tu thiện, nhưng vì sao lại không muốn cầu sanh Tây Phương? Phật trả lời rằng: hạng chúng sanh này thiếu trí tuệ, cho rằng Tây Phương không vui bằng cõi trời, thế nên không muốn cầu sanh. Hạng người như thế số lượng thật sự không hề ít. Nếu không tin lời của Thế Tôn, thì đợi đến khi ngài Di-lặc thành Phật cũng sẽ nói như vậy. Người tu Duy thức quán cũng nên cầu sanh Tịnh độ. Nếu muốn không thọ thân sau thì nhất định phải chứng đến mức “phá hết tam quan”. Tổ sư Vân Môn làm quốc vương đến đời thứ ba thì mất hết thần thông.

“Những chúng sanh này phân biệt hư vọng, không cầu sanh về cõi Phật, làm sao thoát khỏi luân hồi?” Bồ-tát Di-lặc nói: những chúng sanh này do sự phân biệt sai lầm mà không cầu sanh cõi Phật, làm sao có thể thoát khỏi luân hồi!

“Không cầu sanh về cõi Phật” có hai hàm nghĩa:

1. Người mê luyến phước báo trời người: họ cho rằng Tây Phương không vui bằng cõi trời.

2. Chỉ chung cho những người tu các tông phái khác: họ cho rằng vãng sanh Cực Lạc là chấp tướng, thực ra đều là sự chấp chặt vào câu từ. Vãng Sanh Tứ Liệu Giản nói: “Sanh thì nhất định sanh, đi thì thực không đi; đi thì nhất định đi, sanh thì thực không sanh.” Vãng sanh là nhất định sanh rồi, nhưng thực tế không có đi đâu cả. Vì sao vậy? Vì đều là những việc trong tâm mình, thì còn đi đâu nữa. Vãng sanh là chắc chắn đi rồi, nhưng thực ra chẳng có sanh. Vì sao vậy? Vì vãng sanh là chứng đắc vô sanh, còn nói gì đến sanh với chẳng sanh. Nhờ sự gia trì của Phật lực, lìa bỏ được các tình kiến về sanh với chẳng sanh, đi với chẳng đi, tự nhiên chứng nhập Tịnh độ. Nếu chuyên cậy vào tự lực để đoạn dứt sanh tử ngay trong đời này, thì tuyệt đối không thể được.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Đức Phật bảo: các chúng sanh ấy gieo trồng thiện căn, nhưng chẳng thể lìa tướng, không cầu trí tuệ của Phật, mà tham đắm niềm vui thế gian và phước báo nhân gian. Tuy cũng tu phước, nhưng lại cầu quả báo nhân thiên. Khi được hưởng báo, tuy tất cả đầy đủ, song chưa thể thoát khỏi ngục tù tam giới. Giả sử cha mẹ, vợ con, nam nữ, quyến thuộc muốn cứu vớt nhau, mà chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương, nên thường ở trong luân hồi, không được tự tại.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Đức Phật bảo: các chúng sanh ấy gieo trồng thiện căn, nhưng chẳng thể lìa tướng, không cầu trí tuệ của Phật, mà tham đắm niềm vui thế gian và phước báo nhân gian. Tuy cũng tu phước, nhưng lại cầu quả báo nhân thiên. Khi được hưởng báo, tuy tất cả đầy đủ, song chưa thể thoát khỏi ngục tù tam giới.”

“Các chúng sanh ấy gieo trồng thiện căn, nhưng chẳng thể lìa tướng”, Phật nói: hạng chúng sanh này tuy cũng tu thiện, nhưng lại tham luyến phước báo nhân gian, chẳng thể lìa tướng, chẳng cầu trí tuệ chân thật. Ví dụ như: mang thái độ của một đại thí chủ để bố thí, hoặc giúp đỡ người vì tình cảm, những điều này đều thuộc về chấp tướng tu phước. Trong thiên định mà chấp tướng thì nhất định sẽ bị trúng ma.

“Song chưa thể thoát khỏi ngục tù tam giới”, những kẻ cầu phước báo nhân thiên, khi được phước báo thì mọi thứ sung túc, tạm thời hưởng thọ lạc thú thế gian. Nhưng hết phước thì lại đọa lạc, rốt cuộc chẳng thể thoát khỏi ngục tù tam giới. Ngoại đạo coi việc sanh lên cõi trời là giải thoát, nhưng Phật giáo cho rằng cõi trời cũng là ngục tù. Đây chính là điểm thù thắng của Phật giáo so với các tôn giáo khác. Vãng sanh Tịnh độ Cực Lạc không phải là điều mà kẻ chấp tướng có thể đạt tới. Chỉ có làm được “lìa tướng” thì mới có thể thực sự đắc giải thoát.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Giả sử cha mẹ, vợ con, nam nữ, quyến thuộc muốn cứu vớt nhau, mà chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương, nên thường ở trong luân hồi, không được tự tại.”

“Chưa thể lìa bỏ tà kiến nghiệp vương”, tà kiến là vua của các tội nghiệp! Trọng lượng của câu nói này rất nặng. Sau khi mạng chung, mặc dù thân quyến có thay họ sám tội cầu phước, tu pháp tụng kinh, làm đủ mọi việc siêu độ; nhưng vì tà kiến của họ đã bám rễ sâu dày, cố chấp mê muội không tỉnh ngộ. Do bị tà tri tà kiến dẫn dắt, nên họ thường luân hồi ở trong sáu nẻo, chẳng được tự tại.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Ông thấy những người ngu si, không gieo căn lành, chỉ cậy thế trí biện thông để tăng thêm tà tâm, thì làm sao ra khỏi đại nạn sanh tử được!

“Chỉ cậy thế trí biện thông để tăng thêm tà tâm”, lại có những người ngu si, chẳng những không tu thiện, không sanh chánh tín, ngược lại còn dùng trí tuệ của thế gian để tăng trưởng tà tâm của chính mình.

“Làm sao ra khỏi đại nạn sanh tử được”, những người như vậy làm sao có thể thoát khỏi biển khổ sanh tử được? Những người này giỏi về việc “nhai câu nhà chữ”, thường ba hoa khoác loác, dùng ý của mình để bình luận kinh điển là thật hay giả. Hơn nữa, họ còn dùng kinh giáo bất liễu nghĩa để phê bình kinh giáo liễu nghĩa là giả. Họ càng càng khó hóa độ, bệnh đã vào xương tủy, hơi thở thoi thóp. Những người này còn khó độ hơn cả người mù, người điếc, người câm và người điên.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

Lại có chúng sanh, tuy gieo căn lành, tạo phước điền lớn, nhưng chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thoát nổi. Nếu dùng trí tuệ vô tướng, vun trồng gốc các đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh cõi tịnh, hướng đến quả bồ-đề của Phật, thì sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

Đoạn kinh văn này được chia làm hai đoạn nhỏ để giải thích.

Đoạn nhỏ thứ nhất:

“Lại có chúng sanh, tuy gieo căn lành, tạo phước điền lớn, nhưng chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thoát nổi.”

“Tạo phước điền lớn”, nghĩa là trì danh hiệu Phật.

“Chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng, cầu thoát luân hồi, trọn chẳng thoát nổi”, còn có một số chúng sanh, tuy cũng gieo thiện căn, trì danh hiệu Phật, nhưng tâm phân biệt chấp trước rất nặng, như vậy cũng không thể thoát khỏi luân hồi.

Có người sẽ hỏi: nếu niệm Phật mà cũng không thoát được luân hồi thì phải làm sao? Mọi người nghe pháp không được quá phiến diện. Trong phẩm “Ba bậc vắng sanh” đã nói rất rõ ràng, ngoài việc “nhất hướng chuyên niệm” ra, còn phải phát tâm bồ-đề. Tâm bồ-đề chính là tâm dung hòa đại trí, đại bi và đại nguyện thành một thể. Người có tình chấp sâu nặng chính là ngu si, làm sao có được đại trí? Người chấp tướng phân biệt thì có lấy có bỏ, làm sao có thể khởi tâm “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi” được? Nếu ngay cả đại trí, đại bi đều không có, thì

làm sao nói đến chuyện phát tâm bồ-đề. Do vậy, niệm Phật như thế không nằm trong ba bậc vãng sanh, cùng lắm là sanh vào biên địa.

Đại sư Ngẫu Ích nói: niệm Phật nếu không có tín nguyện thì cũng không thể vãng sanh, điều này tương đồng với những gì đang nói ở đây. Hiện nay có rất nhiều người vẫn chưa làm rõ được vấn đề này. Trước hết hãy nên bắt đầu niệm Phật, không niệm Phật thì càng không xong. Kế đến còn phải dần dần tăng cường tín nguyện. Nếu tín nguyện không đầy đủ, dù có niệm đến mức “tường đồng vách sắt” vẫn không thể vãng sanh. Nếu có tín nguyện kiên định, dù chỉ niệm một câu cũng có thể vãng sanh. Cho nên, một mặt phải kiên trì niệm Phật, mặt khác phải nỗ lực phát tâm bồ-đề.

Từ đoạn kinh văn trên, chúng ta thấy chấp tướng tu phước thì phước đó có hạn. Như kinh Kim Cang nói: “Nên không trụ vào đâu mà hành bố thí, tức là không trụ vào sắc mà bố thí, không trụ vào thanh hương vị xúc pháp mà bố thí. Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên bố thí như thế, không trụ vào tướng. Vì sao vậy? Nếu Bồ-tát bố thí không trụ vào tướng thì phước đức ấy không thể lường được.” Trong Pháp Không Luận, đại sư Ngẫu Ích nói: dùng pháp “không trụ vào đâu” để trụ trong bát-nhã, tu ba-la-mật giống như mảnh hổ mà không có bất kỳ tướng nào để chấp lấy. Đây chính là tông chỉ của kinh Kim Cang. Bố thí như vậy tuy ít nhưng công đức đạt được bằng với hư không. Còn chúng sanh chấp tướng bố thí thì tính toán nhân quả, cân nhắc lớn nhỏ, tạo ra đủ mọi phân biệt, do đó phước tu được liền có hạn. Nếu có thể trụ vào pháp tánh, không trụ vào tất cả các tướng, thì phước đó là lớn nhất.

Ví dụ, hư không trong hạt cải và hư không ở mười phương, bản tánh không hai không khác. Bởi vì “không” vốn chẳng có khác biệt trong ngoài, đây kia, phương hướng, hình tướng, lớn nhỏ v.v.. Cái “không” nhỏ và cái “không” lớn đều cùng là “không”! Cho nên nói, lìa tướng mà niệm Phật, tu pháp, làm công đức thì phước đức bằng với hư không.

Nói tóm lại, kẻ tuy tu thiện mà không cầu vãng sanh, tổng cộng có ba loại:

1. Tham đắm thú vui thế gian, cầu quả báo nhân thiên.
2. Thế trí biện thông, tà tâm hừng hực.
3. Chấp tướng phân biệt, tình chấp sâu nặng.

Ba hạng người này, đều có thể tu phước, nhưng thứ đắc được chỉ là phước báo thế gian, như mộng huyễn bọt bóng, chớp mắt liền trôi qua. Thế nên, muốn cầu ra khỏi luân hồi, trọn chẳng thể được.

Đoạn nhỏ thứ hai:

“Nếu dùng trí tuệ vô tướng, vun trồng gốc các đức, thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt, cầu sanh cõi tịnh, hướng đến quả Bồ-đề của Phật, thì sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.”

“Nếu dùng trí tuệ vô tướng”, nếu dùng trí tuệ vô tướng, phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm A-di-đà Phật, thì chắc chắn vãng sanh thành Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

“Vun trồng gốc các đức”, là chỉ việc phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm.

“Vô tướng” là lìa khỏi mười tướng: sắc, thọ, tưởng, hành, thức cùng với nam, nữ, sanh, trụ, hoại.

Trong Diễn Mật Sao nói: vô tướng nghĩa là tịch diệt. Đây hoàn toàn là sự tự chứng đắc của tự tâm, chẳng phải từ bên ngoài tâm mà đắc được, thế nên không có tất cả tướng. Kinh Kim Cang nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng, nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai.” Câu “phàm những gì có tướng đều là hư vọng” này cần phải đặc biệt chú ý. Kẻ ngu si ở trong hư vọng, cứ điên cuồng theo đuổi những thứ hư vọng ấy. Đây chẳng phải nói rằng căn bản không có những tướng ấy, mà là có thể lìa khỏi những tướng ấy, ngay đó chính là Phật! Đây là lời khai thị gọn gàng dứt khoát nhất! Có người cứ muốn cầu pháp này pháp nọ, nào có những việc rườm rà như vậy!

Mọi người phải dùng trí tuệ vô tướng để phá trừ sự chấp trước trong tâm. Hoàng Niệm lão thường nói: tu hành giống như lột vỏ măng, khi lột đến mức không còn gì để lột nữa, thì lõi măng tự nhiên hiển lộ. Tu hành cũng là như vậy, không ngừng bỏ đi mọi thứ, quét sạch các tình kiến của chúng sanh. Trong Tâm kinh nói: “Vì không có thứ gì để đắc, nên đạt đến niết-bàn.” Nếu lúc nào cũng giữ tâm tham chấp, luôn muốn đắc được cái gì đó, thì đó chính là chấp trước. Bạn vốn dĩ là Phật, còn muốn đắc thêm cái gì nữa đây?! Kinh Kim Cang nói: “Nếu thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức thấy Như Lai.” Mọi người không dụng công thì thôi, hễ dụng công là muốn tu ra “dáng vẻ” nào đó; một khi có “dáng vẻ” rồi, chẳng phải là chấp tướng sao? Thế nên trong khi niệm Phật, cần phải xem

thêm một số kinh điển Đại thừa, dùng trí tuệ vô tướng để dọn sạch những hòn đá cản đường trong tu hành.

Tịnh độ tông là pháp cực kỳ khó tin trong tất cả thế gian; đối với pháp khó tin này mà có thể tin, đó chính là trí tuệ vô tướng. Kinh Kim Cang nói: “Người nghe chương cú này, cho đến sanh một niệm tịnh tín... những chúng sanh ấy không còn tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.” Lại nói: “Nếu có chúng sanh nào được nghe kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy chính là người hiếm có bậc nhất. Vì sao vậy? Người này không có tướng ta, tướng người, tướng chúng sanh, tướng thọ giả.” Trong Pháp Không Luận, đại sư Ngẫu Ích nói: nếu còn một chút xíu các tướng ta, người v.v. thì tuyệt chẳng thể tin được kinh này. Đối với kinh này mà có thể tin hiểu và thọ trì, thì nhất định có thể thấu đạt rằng các tướng ta, người v.v. ngay nơi thể chính là không. Cho nên, Tịnh tông là pháp môn vi diệu không thể nghĩ bàn, vượt ngoài tình kiến, viên đôn nhất. Nếu có người có thể sanh niềm tin chân thật đối với pháp này, phải biết người này chắc chắn là vượt ngoài tình kiến, khế hợp với trí tuệ vô tướng.

Trong Pháp Không Luận, đại sư Ngẫu Ích nói: nếu không thấu đạt vô ngã mà tu tất cả thiện pháp, thì chỉ đắc được quả báo hư ngụy của trời người. Chúng sanh khởi tâm động niệm, toàn bộ đều quanh quẩn trong cái “ta”, không có giây phút nào nghỉ ngơi. Thực tế, ngã tướng luôn luôn biến hóa, thì cái nào mới là ta?! Nếu nói thân thể là ta, thì lúc trẻ và lúc già chẳng có điểm nào giống nhau, chỉ là sự tồn tại tương tự tương tục của a-lại-da thức mà thôi. Cái gì là ta? Căn bản là không có. Nếu chỉ thấu đạt “ngã” là không mà không tu tất cả thiện pháp, thì chỉ đắc được quả Nhị thừa. A-la-hán chứng được “ngã không”, nhờ đó mà liễu thoát phần đoạn sanh tử. Nếu nói càn rằng “ngã và pháp thủy đều không”, rồi tùy ý tạo ác, thì đó chính là hạt giống của địa ngục. Câu nói này của đại sư Ngẫu Ích đã đánh trúng vào căn bệnh nặng của thời đại. Hạng người này hiện nay quả thực không ít.

“Thân tâm thanh tịnh, xa lìa phân biệt”, trí tuệ vô tướng chính là vạn pháp là một. Vạn pháp đã là một rồi thì còn gì là nhiễm, còn gì là tịnh? Vốn dĩ là một thể, đây chẳng phải là bình đẳng sao, tự nhiên sẽ lìa khỏi các thứ phân biệt. Hơn nữa, niệm Phật là “nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối”, thân tâm tự nhiên thanh tịnh, xa lìa phân biệt.

Có người sẽ hỏi: Tịnh tông lấy việc “chán lìa Ta-bà, vui cầu Cực Lạc” làm nguyện, như vậy chẳng phải là phân biệt sao? Trong Diệu Tông Sao nói: khi “xả bỏ” đến cực điểm thì chính là buông xuống vạn duyên, sáu căn tịch tĩnh; khi “nắm

lấy” đến cực điểm thì chính là chỉ đề khởi một niệm, sáu chữ hồng danh. Niệm Phật như thế với “không lấy không bỏ” chẳng có gì khác biệt, cả hai đều là buông xuống vạn duyên, chỉ đề khởi một niệm. Lại nữa, trong Di-đà Yếu Giải nói: nếu không từ sự tướng mà nắm lấy hay xả bỏ, chỉ suy tôn [cái thuyết] “không lấy không bỏ”, đó chính là chấp lý phế sự. Đã phế bỏ sự thì đó chính là chấp trước, chứng tỏ cái lý ấy cũng không viên mãn. Nếu thấu đạt được rằng toàn bộ sự chính là lý, thì “nắm lấy” cũng là lý, “xả bỏ” cũng là lý; nắm lấy hay xả bỏ không gì chẳng phải là pháp giới. Thế nên, đối với diệu đế của Tịnh tông, tình chấp của phàm phu sao có thể suy lường được.

“Cầu sanh cõi Tịnh, hướng đến quả bồ-đề của Phật, thì sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát”, chí tâm tin ưa, nguyện sanh nước kia. Cầu sanh như thế là đem một tâm nguyện nhỏ bé của mình hòa nhập vào biển thệ nguyện không bờ bến của đức Di-đà, cùng với đức Di-đà trở thành một thể. Câu nói này dễ hiểu. Đồng thời, lại nhiếp thọ biển nguyện Nhất thừa không bờ bến của đức Di-đà vào trong một niệm tâm nhỏ bé của chính mình. Ở đây dư một chữ “nhiếp”, câu nói này không dễ hiểu. Mọi người nên biết rằng, toàn bộ biển nguyện của A-di-đà Phật vốn đã ở trong tâm của mình rồi. Cho nên mới nói: mười niệm ắt sanh, có nguyện ắt thành.

“Hướng đến quả bồ-đề của Phật”, ở địa vị tu nhân mà phát tâm bồ-đề, thì ở địa vị quả nhất định là bỏ vào ngôi vị Phật, đắc được Phật quả rốt ráo.

“Nếu dùng trí tuệ vô tướng, xa lìa phân biệt, cầu sanh cõi Tịnh, hướng đến quả bồ-đề của Phật”, sáu câu trên chính là tông chỉ của kinh này. Nói cách khác, chính là “phát tâm bồ-đề, nhất hướng chuyên niệm”. Nếu có thể nương theo đây mà tu hành, nhất định sẽ được sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát.

Đại sư Ngẫu Ích đã đem kinh này phối hợp với kinh Kim Cang mà đối chiếu như sau:

“Trí tuệ vô tướng, xa lìa phân biệt” trong kinh Vô Lượng Thọ chính là “không ta, không người, không chúng sanh, không thọ giả” trong kinh Kim Cang.

“Vun trồng gốc các đức, cầu sanh cõi Tịnh, hướng đến quả bồ-đề của Phật” trong kinh Vô Lượng Thọ chính là “tu tất cả thiện pháp” trong kinh Kim Cang.

“Sẽ sanh về cõi Phật, vĩnh viễn được giải thoát” trong kinh Vô Lượng Thọ chính là “liền chứng Vô thượng chánh đẳng chánh giác” trong kinh Kim Cang.

Chỉ có dùng “vô ngã” mà tu tất cả thiện pháp, không trụ vào đâu mà sanh tâm thì sẽ đắc được vô thượng bồ-đề. Cho nên, kinh Vô Lượng Thọ và kinh Kim Cang hoàn toàn là một vị.

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người. A-di-đà Phật!